

Toàn Thắng, ngày 15 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG TRƯỜNG MẦM NON

(THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/06/2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Toàn Thắng.

1.2. Địa chỉ

Địa chỉ (trụ sở chính): Thôn Bái Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại di động: 0985 378 001.

Email: mamnontoanthangmln@gmail.com

Website: <https://gl.mntoanthang.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục:

Trường mầm non công lập

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

* Sứ mạng

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – Là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tính cách tự lập có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

* Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ giúp con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa phương, là lựa chọn đầu tiên cho các bậc phụ huynh có con trong độ tuổi mầm non.

* Mục tiêu

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

1.5. Quá trình thành lập và phát triển

Trường Mầm non Toàn Thắng được thành lập từ năm 1968 lấy tên trường Mẫu giáo Toàn Thắng (*trong đó: 01 nhóm trẻ và 03 lớp mẫu giáo*). Đến năm 1993 sát nhập với nhà trẻ và được đổi tên thành trường Mầm non Toàn Thắng với 07 điểm trường. Trung bình hàng năm nhà trường có từ 17 nhóm/lớp trở lên và tổng số trẻ đến trường là trên 350 đến 400 cháu. Thời điểm mới thành lập cơ sở vật chất nhà trường thiếu thốn, trình độ của giáo viên trên 90% chưa qua đào tạo đến nay trường có cơ sở vật chất khang trang, rộng rãi 100% CB-GV trong nhà trường đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn chiếm 84,2% trên tổng số CB-GV-NV trong trường. Đến nay nhà trường không ngừng đổi mới, thực hiện các giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng CS-GD trẻ toàn diện. Tháng 8 năm 2020 nhà trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2. Tháng 12 năm 2022 nhà trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3.

Năm học 2023 - 2024 nhà trường được công nhận danh hiệu tập thể “Lao động tiên tiến”; 06 cô giáo đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 01 cô giáo được tặng “Giấy khen” và 01 cô giáo đạt “Giáo viên dạy giỏi” cấp huyện. Chi bộ và tổ chức Công đoàn được cấp trên đánh giá đạt HTTNV; chi Đoàn thanh niên xếp loại HTXS NV.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên người đại diện bà: Dương Thị Thoa

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ (*trụ sở chính*): Thôn Bái Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại di động: 0885 378 001.

1.7. Tổ chức bộ máy.

- Quyết định số 361/QĐ - UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 quyết định về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường mầm non Toàn Thắng, nhiệm kỳ 2020 - 2024

Danh sách thành viên hội đồng trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Dương Thị Thoa	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ

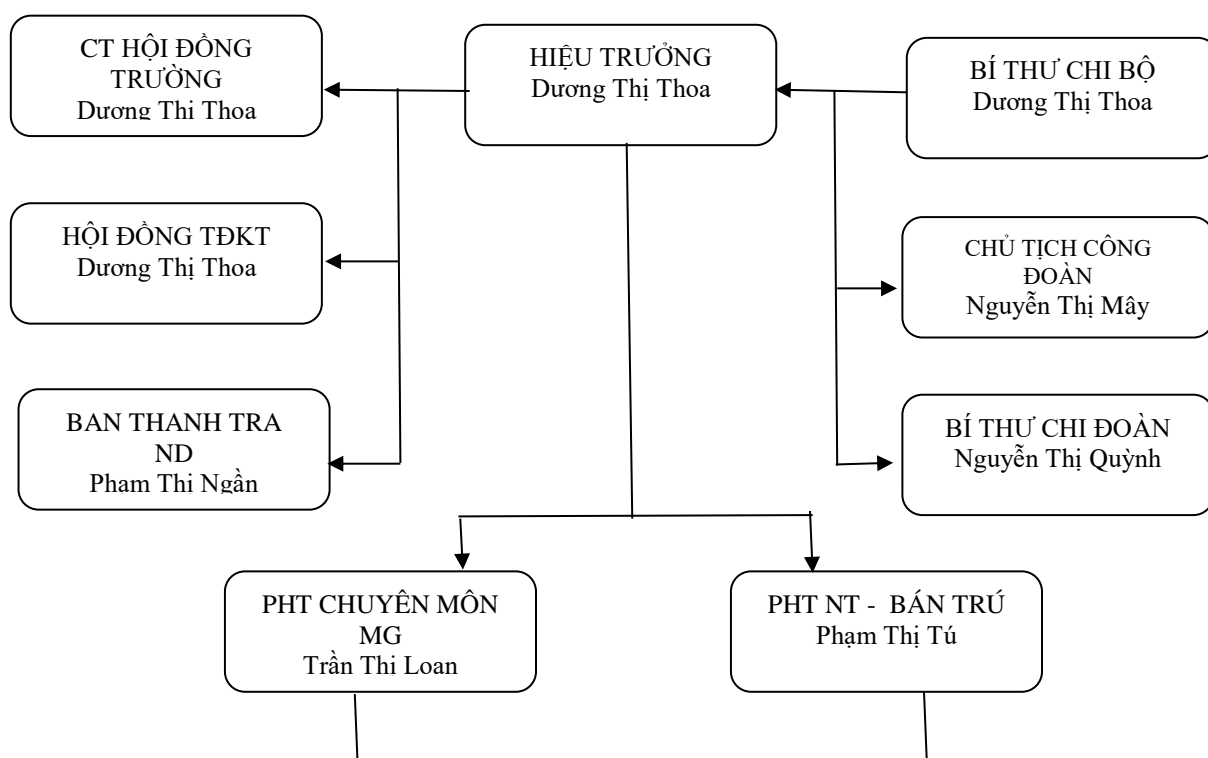
2	Phạm Thị Tú	Phó BTCB - PHT	Thành viên
3	Trần Thị Loan	Phó hiệu trưởng	Thành viên
4	Nguyễn Thị Mây	Tổ trưởng tổ 5 tuổi - CTCĐ	Thành viên
5	Phạm Thị Thoa	Tổ trưởng tổ 4 tuổi	Thành viên
6	Nguyễn Thị Sai	Tổ trưởng tổ 3 tuổi	Thành viên
7	Phạm Văn Duy	Phó chủ tịch UBND xã Toàn Thắng	Thành viên
8	Phạm Thị Cúc	Đại diện Ban cha mẹ PHHS	Thành viên
9	Nguyễn Thùy Dung	Bí thư ĐTN	Thư ký

- Quyết định số 2739/QĐ - UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 quyết định về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non Toàn Thắng. Bà Dương Thị Thoa

- Quyết định số 1747/QĐ - UBND ngày 01 tháng 08 năm 2023 quyết định về việc luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Toàn Thắng. Bà Trần Thị Loan

- Quyết định số 1743/QĐ - UBND ngày 01 tháng 08 năm 2023 quyết định về việc luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Toàn Thắng. Bà Phạm Thị Tú

Sơ đồ bộ máy nhà trường



TỔ NHÀ TRẺ	TỔ 3 TUỔI	TỔ 4 TUỔI	TỔ 5 TUỔI	TỔ VĂN PHÒNG	CẤP DƯỠNG	BẢO VỆ
- Nguyễn Thị Mai - TT	- Nguyễn Thị Sai - TT	- Phạm Thị Thoa - TT	- Nguyễn Thị Mây - TT	- Lê Thị Phương - TT	- Nguyễn Thị Chín	- Hoàng Văn Bê
- Nguyễn Thị Kim Thoa - TP	- Phạm Thị Huệ- TP	- Nguyễn Thị Hương - TP	- Phạm Thị Ngân - TP	- Hoàng Văn Bê	- Lê Thị Huyền	- Nguyễn Văn Hoan
- Nguyễn Thị Quỳnh	- Nguyễn Thị Quyên	- Phạm Thị Chinh	- Nguyễn Thị Thu Hà	- Nguyễn Văn Hoan	- Tăng Thị Trâm	
- Phạm Thị Xuyên	- Trần Thị Hà Thu	- Vũ Thị Trang	- Nguyễn Thị Yên			
- Lê Thị Chàn	- Nguyễn Thị Huyền	- Phạm Thị Hào	- Nguyễn Thị Thúy			
- Đào Thị Mai	- Phạm Thị Vân	- Phạm Thị Hà	- Nguyễn Thị Diệu			
- Nguyễn Thị Thắm	- Nguyễn Thị Như	- Trần Thị Yên	- Phạm Thị Xuân			
- Tăng Thị Hồng Thơm	- Đinh Thị Tám	- Phạm Thị Dung	- Vũ Thị Mai			
- Bùi Thị Giang						
- Đặng Cẩm Tú						

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	44			32	6			14	21	2				
I	Giáo viên	34													
1	Nhà trẻ	10			7	3			5	4	0				
2	Mẫu giáo	24			22	2			9	16	0				

II	Cán bộ quản lý	3							0	1	2			
1	Hiệu trưởng	1			1						1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1			
III	Nhân viên	7												
1	Nhân viên văn thư	0												
2	Nhân viên kế toán	1				1			1					
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế	0												
5	Nhân viên khác	5						5						

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 -2024	Ghi chú
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	
	Tỷ lệ	100%	
2	Giáo viên		
	Số lượng	33	
	Tỷ lệ	100%	

2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023 -2024	Ghi chú
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	
	Tỷ lệ	100%	
2	Giáo viên		
	Số lượng	33	
	Tỷ lệ	100%	
3	Nhân viên		
	Số lượng	1	
	Tỷ lệ	100%	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin cơ sở vật chất, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	17	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	17	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	9887	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)		
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1020	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	180	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	230	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	60	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	100	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	17	17/17
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	2	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	10	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	13/17	1tivi/ lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	0	
3	Máy phô tô	0	
4	Catsset	0	
5	Đầu Video/đầu đĩa	0	
6	Máy in	4	

7	Bàn ghế đúng quy cách	187 bàn và 400 ghế	Nhà trẻ và mẫu giáo
---	-----------------------	--------------------	---------------------

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	2	12		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục
Năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
I	Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá	- Tự đánh giá trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định cấp độ 3	
II	Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian, kế hoạch và kết	- Năm 2020 trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2020 – 2025 theo (Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 19/08/2020) và Quyết định về việc công nhận trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo (Quyết định số 1004/QĐ-SGD&ĐT ngày 17/08/2020)	

	quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm	<p>- Năm 2022 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo (Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 29/01/2022) và Quyết định về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 giai đoạn 2022 – 2027 theo (Quyết định số 1445/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2022)</p> <p>- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm: Nhà trường phấn đấu duy trì nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3</p>	
--	--	---	--

V. KẾT QUẢ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

5.1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	378	16	60	83	107	112
1	Số trẻ em nhóm ghép	0					
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0					
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	378	16	60	83	107	112
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	378	16	60	83	107	112
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	378	16	60	83	107	112
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng		16	60	83	107	112
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em						
1	Số trẻ cân nặng bình thường		16	59	83	107	111

2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		0	1	0	0	0
	Số trẻ có cân nặng cao hơn bình thường		16	59	83	107	112
3	Số trẻ có chiều cao bình thường		0	0	0	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi		0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì		0	0	0	0	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục						
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	76	16	60			
2	Chương trình giáo dục MG	302			83	107	112
VII	Kết quả thực hiện PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi	112					112
1	Tổng số trẻ 5 tuổi (trẻ)	112					
2	Tỷ lệ phổ cập trẻ 5 tuổi %	100%					
VIII	Số trẻ em khuyết tật	0					

2. Thông tin về kết quả tài chính năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
1	Tình hình tài chính (các khoản thu phân theo)		
	- Nguồn kinh phí	4.783.728.000	5.541.456.000
	- Chi tiền lương và thu nhập	3.648.747.429	4.401.316.000
	- Chi cơ sở vật chất và các dịch vụ	1.072.241.000	1.140.140.000
	- Chi hỗ trợ người học	0	0
	- Chi khác	62.740.000	0
2	- Các khoản thu và mức thu đối với người học (Bao gồm học phí, lệ phí, và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí nếu có trong năm học	2.591.692.500	2.591.692.500
3	- Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn giảm học phí	11.620.000	2.650.000
4	- Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù	0	0

5.2. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong Năm học 2024 – 2025.

1. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh.

- Tổng số: 17 nhóm, lớp (trong đó: 05 nhóm nhà trẻ; 12 lớp mẫu giáo);

Huy động:

+ Nhà trẻ huy động 74/143 cháu đạt 52%;

- + Mẫu giáo huy động 277/277 cháu đạt 100%;
- + Huy động 112/112 đạt 100% trẻ 5 tuổi ra lớp.
- Thời gian tuyển sinh trẻ năm học 2024 – 2025 bắt đầu từ ngày 28/08/2024
- Phương thức tuyển sinh: Trực tiếp hoặc nộp hồ sơ qua Gmail của nhà trường.

2. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tỷ lệ trẻ đến trường ăn bán trú đạt 100%;
- Trẻ học 2 buổi /ngày đạt 100%
- Bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức y tế Thế giới.
- Tỷ lệ trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường đạt từ 98% trở lên.
- Bếp ăn đảm bảo an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm
- 100% phòng học phải sạch sẽ, thoáng mát, đủ ánh sáng, có đủ nước uống hợp vệ sinh, nhiệt độ phù hợp với trẻ theo mùa trong năm (đặc biệt là mùa Hè).
- 100% trẻ đến trường có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân như: khăn mặt, cốc uống nước...đảm bảo an toàn và được sử dụng thường xuyên, riêng biệt.
- 17/17 nhóm, lớp thực hiện tốt chủ đề năm học “*Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương*”. Giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, phân loại rác thải để bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục thực hiện mô hình điểm chuyên đề “*Nâng cao chất lượng bếp ăn bán trú trong trường mầm non*”.

3. Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Năm 2024 nhà trường tiếp tục đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

Nơi nhận:

- BGH; các tổ CM, GV, NV,...trong trường;
- Đăng trên trang Website trường;
- Lưu: Hồ sơ của trường./.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Thoa

